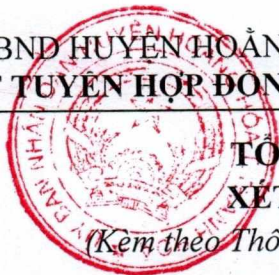


UBND HUYỆN HOÀNG HÓA
HĐ XÉT TUYỂN HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN



**TỔNG HỢP ĐIỂM VĂN ĐÁP CỦA THÍ SINH
XÉT TUYỂN HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN NĂM 2024**

(Kèm theo Thông báo số 12/HĐXT ngày 26/8/2024 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm văn đáp	Tổng điểm	Ghi chú
1	1	1	Lê Thị Lan Anh	13/07/1992	GV Mầm non		44.0	44.0	
2	1	2	Nguyễn Thị Bích	30/03/1996	GV Mầm non		58.0	58.0	
3	1	3	Phạm Thị Khánh Chi	23/09/1999	GV Mầm non		60.0	60.0	
4	1	4	Trịnh Thị Chung	30/07/1988	GV Mầm non		43.0	43.0	
5	1	5	Lê Thị Cúc	01/05/1992	GV Mầm non		43.0	43.0	
6	1	6	Đoàn Thị Diệp	20/03/1988	GV Mầm non		65.0	65.0	
7	1	7	Hoàng Thị Dung	25/06/2002	GV Mầm non		66.0	66.0	
8	1	8	Lê Thị Dung	14/07/1989	GV Mầm non		40.0	40.0	
9	1	9	Lương Thị Duyên	05/10/1994	GV Mầm non		60.0	60.0	
10	1	10	Lê Thị Giang	24/01/2000	GV Mầm non		70.0	70.0	
11	1	11	Nguyễn Thị Hà	30/01/1994	GV Mầm non		55.0	55.0	
12	1	12	Đỗ Thị Hạnh	22/01/1992	GV Mầm non			0.0	Vắng
13	1	13	Nguyễn Phương Hạnh	01/02/1995	GV Mầm non		65.0	65.0	
14	1	14	Nguyễn Thị Hiên	21/04/1991	GV Mầm non		62.0	62.0	
15	1	15	Lê Thị Hiên	02/09/1997	GV Mầm non		63.0	63.0	
16	1	16	Đỗ Thị Hiên	25/03/1990	GV Mầm non		60.0	60.0	
17	1	17	Lê Thị Hiên	10/05/2002	GV Mầm non		58.0	58.0	
18	1	18	Trương Thị Hiên	20/02/2000	GV Mầm non		67.0	67.0	
19	1	19	Nguyễn Thị Hoa	21/11/1988	GV Mầm non		44.0	44.0	
20	1	20	Hắc Thị Hòa	17/04/1992	GV Mầm non		62.0	62.0	
21	1	21	Nguyễn Thị Hương	11/10/1993	GV Mầm non		58.0	58.0	
22	1	22	Nguyễn Thị Hương	06/07/1990	GV Mầm non		55.0	55.0	
23	1	23	Lữ Thị Hường	06/11/1990	GV Mầm non		66.0	66.0	
24	1	24	Phùng Thị Hường	24/10/1992	GV Mầm non		57.0	57.0	
25	1	25	Lê Thị Huyền	12/03/1997	GV Mầm non		70.0	70.0	
26	1	26	Nguyễn Thị Huyền	06/10/1999	GV Mầm non		40.0	40.0	
27	1	27	Bùi Thị Huyền	13/01/1994	GV Mầm non		60.0	60.0	
28	1	28	Hoàng Thị Huyền	01/07/1996	GV Mầm non		44.0	44.0	
29	1	29	Trịnh Thị Lê	20/06/1989	GV Mầm non		55.0	55.0	
30	2	30	Vũ Thị Liên	13/04/1995	GV Mầm non		57.0	57.0	
31	2	31	Lê Thị Diệu Linh	01/10/2002	GV Mầm non		58.0	58.0	
32	2	32	Đoàn Thị Linh	26/06/1998	GV Mầm non		65.0	65.0	
33	2	33	Lê Thị Linh	12/05/2001	GV Mầm non		67.0	67.0	
34	2	34	Lê Thị Loan	15/03/1995	GV Mầm non		68.0	68.0	
35	2	35	Lê Thị Lương	16/01/1993	GV Mầm non		42.0	42.0	
36	2	36	Trịnh Thị Minh	13/05/1985	GV Mầm non		59.0	59.0	
37	2	37	Phùng Thị Ngân	06/10/1998	GV Mầm non		57.0	57.0	
38	2	38	Bùi Thị Nghĩa	19/12/1999	GV Mầm non		58.0	58.0	
39	2	39	Võ Thị Ngoan	30/06/1988	GV Mầm non		67.0	67.0	
40	2	40	Lê Thị Ngoãn	20/11/1990	GV Mầm non	5.0	56.0	61.0	
41	2	41	Trần Thị Bích Ngọc	28/11/1990	GV Mầm non		58.0	58.0	
42	2	42	Đoàn Như Nguyệt	05/11/1998	GV Mầm non		70.0	70.0	
43	2	43	Lê Thị Nguyệt	05/11/2000	GV Mầm non		59.0	59.0	
44	2	44	Bùi Thị Nhân	27/08/1995	GV Mầm non		65.0	65.0	
45	2	45	Lê Thị Nhung	02/07/1995	GV Mầm non		60.0	60.0	
46	2	46	Cao Thị Hồng Nhung	13/08/1998	GV Mầm non		57.0	57.0	
47	2	47	Lê Thị Nhung	13/04/2001	GV Mầm non		57.0	57.0	



TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm vấn đáp	Tổng điểm	Ghi chú
48	2	48	Khuong Thị Phương	03/10/1998	GV Mầm non		57.0	57.0	
49	2	49	Lê Thị Phương	30/11/1998	GV Mầm non		59.0	59.0	
50	2	50	Trương Thị Phương	07/03/1998	GV Mầm non		55.0	55.0	
51	2	51	Cao Thị Thu Phương	28/06/1992	GV Mầm non	5.0	57.0	62.0	
52	2	52	Lương Thị Phượng	09/11/1996	GV Mầm non		70.0	70.0	
53	2	53	Lê Thị Phượng	11/01/1993	GV Mầm non		60.0	60.0	
54	2	54	Lê Thị Quỳnh	25/10/1990	GV Mầm non		58.0	58.0	
55	2	55	Lê Thị Quỳnh	28/05/1995	GV Mầm non		60.0	60.0	
56	2	56	Hoàng Thị Sâm	20/03/1984	GV Mầm non		53.0	53.0	
57	2	57	Nguyễn Thị Thám	09/09/1987	GV Mầm non		55.0	55.0	
58	3	58	Lê Thị Thắm	11/10/1996	GV Mầm non		53.0	53.0	
59	3	59	Lê Thị Thanh	20/04/1992	GV Mầm non		54.0	54.0	
60	3	60	Lê Thị Thanh	02/09/1993	GV Mầm non		53.0	53.0	
61	3	61	Lê Thị Thảo	28/10/1997	GV Mầm non		54.0	54.0	
62	3	62	Hoàng Thị Thảo	12/10/1992	GV Mầm non		53.0	53.0	
63	3	63	Lê Thị Thi	15/10/1991	GV Mầm non		55.0	55.0	
64	3	64	Nguyễn Thị Thoa	15/02/2003	GV Mầm non		53.0	53.0	
65	3	65	Nguyễn Thị Thu	05/09/1995	GV Mầm non		54.0	54.0	
66	3	66	Nguyễn Thị Thu	09/09/2002	GV Mầm non		52.0	52.0	
67	3	67	Lê Thị Thu	28/01/1997	GV Mầm non		54.0	54.0	
68	3	68	Đỗ Thị Thu	01/09/1999	GV Mầm non		53.0	53.0	
69	3	69	Nguyễn Thị Thuận	10/03/1993	GV Mầm non		53.0	53.0	
70	3	70	Nguyễn Thị Thúy	18/10/1990	GV Mầm non		53.0	53.0	
71	3	71	Triệu Thị Thúy	27/08/1997	GV Mầm non		54.0	54.0	
72	3	72	Cao Thị Thùy	08/09/2002	GV Mầm non		53.0	53.0	
73	3	73	Lê Thị Thu Thùy	28/05/2002	GV Mầm non		52.0	52.0	
74	3	74	Nguyễn Thị Tĩnh	23/10/1994	GV Mầm non		55.0	55.0	
75	3	75	Nguyễn Thị Tới	18/12/2002	GV Mầm non		53.0	53.0	
76	3	76	Nguyễn Thị Trâm	21/12/2002	GV Mầm non		44.0	44.0	
77	3	77	Hà Thị Trang	07/12/2002	GV Mầm non		52.0	52.0	
78	3	78	Ngô Thị Tươi	05/11/2000	GV Mầm non		56.0	56.0	
79	3	79	Lê Thị Tuyền	20/12/1991	GV Mầm non		53.0	53.0	
80	3	80	Hàn Thị Tuyền	11/08/2000	GV Mầm non		45.0	45.0	
81	3	81	Lê Thị Tuyết	20/07/1993	GV Mầm non		53.0	53.0	
82	3	82	Phạm Thị Tuyết	15/05/1997	GV Mầm non		52.0	52.0	
83	3	83	Phạm Thị Xuân	06/06/1994	GV Mầm non		52.0	52.0	
84	3	84	Bùi Thị Yên	28/11/1996	GV Mầm non		52.0	52.0	
85	3	85	Nguyễn Thị Hải Yên	01/01/1999	GV Mầm non		53.0	53.0	
86	4	86	Bùi Mai Anh	23/06/2002	GV Tiếng Anh TH		65.0	65.0	
87	4	87	Nguyễn Thị Vân Anh	29/10/2002	GV Tiếng Anh TH		75.0	75.0	
88	4	88	Thiều Thị Minh Anh	20/10/2002	GV Tiếng Anh TH		65.0	65.0	
89	4	89	Lê Thị Ngọc Anh	05/03/2000	GV Tiếng Anh TH			0.0	Vắng
90	4	90	Hoàng Thị Vân Anh	08/03/2001	GV Tiếng Anh TH		55.0	55.0	
91	4	91	Lương Thị Anh	02/05/1985	GV Tiếng Anh TH			0.0	Vắng
92	4	92	Lê Thị Anh	27/03/1989	GV Tiếng Anh TH	5.0	55.0	60.0	
93	4	93	Trần Thị Bình	19/02/1989	GV Tiếng Anh TH			0.0	Vắng
94	4	94	Trương Thị Châu	21/11/2000	GV Tiếng Anh TH		68.0	68.0	
95	4	95	Phan Hà Chi	24/11/2000	GV Tiếng Anh TH		60.0	60.0	
96	4	96	Nguyễn Thị Dung	16/10/1990	GV Tiếng Anh TH		60.0	60.0	
97	4	97	Nguyễn Thị Thu Hà	10/03/2002	GV Tiếng Anh TH		60.0	60.0	
98	4	98	Nguyễn Thị Hậu	15/10/2000	GV Tiếng Anh TH		70.0	70.0	
99	4	99	Phạm Thị Huệ	02/02/1984	GV Tiếng Anh TH		70.0	70.0	

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm vấn đáp	Tổng điểm	Ghi chú
100	4	100	Nguyễn Thị Thu Huyền	30/10/1996	GV Tiếng Anh TH			0.0	Vắng
101	4	101	Nguyễn Thị Lan	10/07/1987	GV Tiếng Anh TH			0.0	Vắng
102	4	102	Dương Thị Lệ	16/10/1994	GV Tiếng Anh TH		74.0	74.0	
103	4	103	Nguyễn Thị Khánh Linh	15/06/1998	GV Tiếng Anh TH		73.0	73.0	
104	4	104	Cao Thị Thùy Linh	20/06/1998	GV Tiếng Anh TH		75.0	75.0	
105	4	105	Lê Thị Thùy Linh	13/06/1998	GV Tiếng Anh TH		68.0	68.0	
106	4	106	Chu Thị Nam	10/02/1993	GV Tiếng Anh TH		67.0	67.0	
107	4	107	Nguyễn Thị Thành	07/01/1990	GV Tiếng Anh TH	5.0	55.0	60.0	
108	4	108	Nguyễn Thị Phương Thi	10/03/2002	GV Tiếng Anh TH		65.0	65.0	
109	4	109	Vũ Thị Thi	01/12/2002	GV Tiếng Anh TH			0.0	Vắng
110	4	110	Lê Thị Thịnh	01/06/1983	GV Tiếng Anh TH		67.0	67.0	
111	4	111	Lê Thị Thủy	14/08/1998	GV Tiếng Anh TH		70.0	70.0	
112	4	112	Nguyễn Thị Hoài Thương	01/10/2002	GV Tiếng Anh TH			0.0	Vắng
113	4	113	Nguyễn Thị Xoan	10/07/1982	GV Tiếng Anh TH		65.0	65.0	
114	5	114	Trần Phương Anh	17/12/2001	GV Ngữ văn THCS		70.0	70.0	
115	5	115	Lê Thị Đào	04/04/1991	GV Ngữ văn THCS		65.0	65.0	
116	5	116	Đỗ Thùy Dương	31/03/2001	GV Ngữ văn THCS			0.0	Vắng
117	5	117	Hán Thị Hằng	28/10/1988	GV Ngữ văn THCS		67.0	67.0	
118	5	118	Hoàng Thị Hằng	15/02/1986	GV Ngữ văn THCS		65.0	65.0	
119	5	119	Phạm Thị Hậu	22/11/2002	GV Ngữ văn THCS		60.0	60.0	
120	5	120	Lê Thị Hồng	07/11/2002	GV Ngữ văn THCS	5.0		5.0	Vắng
121	5	121	Trần Thị Hồng	01/04/1997	GV Ngữ văn THCS		73.0	73.0	
122	5	122	Lê Thị Hương	06/06/1998	GV Ngữ văn THCS			0.0	Vắng
123	5	123	Lương Thị Lệ	09/08/1991	GV Ngữ văn THCS		68.0	68.0	
124	5	124	Nguyễn Thị Liên Minh	08/11/1987	GV Ngữ văn THCS		58.0	58.0	
125	5	125	Lê Thị Ngọc	01/12/1997	GV Ngữ văn THCS		65.0	65.0	
126	5	126	Phạm Thị Nguyệt	11/10/2002	GV Ngữ văn THCS		54.0	54.0	
127	5	127	Lê Thị Nhung	06/10/1988	GV Ngữ văn THCS		65.0	65.0	
128	5	128	Đàm Thị Tâm	25/10/2002	GV Ngữ văn THCS		58.0	58.0	
129	5	129	Nguyễn Thị Thảo	06/10/2000	GV Ngữ văn THCS			0.0	Vắng
130	5	130	Nguyễn Thị Thảo	17/07/1995	GV Ngữ văn THCS			0.0	Vắng
131	5	131	Lê Thị Thục	19/09/1987	GV Ngữ văn THCS		60.0	60.0	
132	5	132	Đỗ Lê Minh Thúy	05/06/2002	GV Ngữ văn THCS		55.0	55.0	
133	5	133	Lường Thị Tình	19/03/2001	GV Ngữ văn THCS	5.0		5.0	Vắng
134	5	134	Phạm Thị Trang	25/02/1994	GV Ngữ văn THCS			0.0	Vắng
135	5	135	Lê Thị Trang	09/09/1995	GV Ngữ văn THCS			0.0	Vắng
136	6	136	Lê Thị Ngọc Anh	04/09/2001	GV Toán THCS		71.0	71.0	
137	6	137	Lê Thị Phương Anh	13/06/2002	GV Toán THCS		50.0	50.0	
138	6	138	Phùng Văn Ca	19/08/1985	GV Toán THCS			0.0	Vắng
139	6	139	Lê Thị Chung	04/12/1998	GV Toán THCS			0.0	Vắng
140	6	140	Lê Thị Dung	09/08/1997	GV Toán THCS		53.0	53.0	
141	6	141	Cao Thị Thùy Dương	14/08/2001	GV Toán THCS		65.0	65.0	
142	6	142	Trần Thị Hương Giang	18/08/2002	GV Toán THCS		35.0	35.0	
143	6	143	Nguyễn Huy Hải	30/04/1995	GV Toán THCS		65.0	65.0	
144	6	144	Lường Thị Hạnh	11/06/1997	GV Toán THCS		67.0	67.0	
145	6	145	Đỗ Thị Hiền	23/05/2000	GV Toán THCS			0.0	Vắng
146	6	146	Đinh Thị Hưng	17/01/1991	GV Toán THCS		60.0	60.0	

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm vấn đáp	Tổng điểm	Ghi chú
147	6	147	Nguyễn Văn Hưng	15/02/2001	GV Toán THCS		62.0	62.0	
148	6	148	Đinh Thị Hương	25/12/1991	GV Toán THCS		53.0	53.0	
149	6	149	Chu Thị Khánh Huyền	08/03/1998	GV Toán THCS		75.0	75.0	
150	6	150	Mai Thị Phương Lan	05/02/1994	GV Toán THCS		71.0	71.0	
151	6	151	Nguyễn Thị Ánh Linh	20/03/2002	GV Toán THCS		37.0	37.0	
152	6	152	Nguyễn Thị Mai	30/06/1994	GV Toán THCS		50.0	50.0	
153	6	153	Vũ Thị Hồng Ngọc	28/09/1991	GV Toán THCS		68.0	68.0	
154	6	154	Nguyễn Thị Nhân	07/03/1993	GV Toán THCS			0.0	Vắng
155	6	155	Nguyễn Minh Phương	12/10/1998	GV Toán THCS		74.0	74.0	
156	6	156	Nguyễn Thị Phương	10/02/1989	GV Toán THCS		60.0	60.0	
157	6	157	Cao Văn Sỹ	26/03/1987	GV Toán THCS		20.0	20.0	
158	6	158	Lê Sỹ Thịnh	19/08/1993	GV Toán THCS			0.0	Vắng
159	6	159	Ngô Thị Thực	13/03/1988	GV Toán THCS		35.0	35.0	
160	6	160	Lê Thị Thương	19/04/1996	GV Toán THCS		69.0	69.0	
161	6	161	Nguyễn Thị Thanh Thúy	28/12/2002	GV Toán THCS			0.0	Vắng
162	6	162	Dương Thị Huyền Trang	15/05/1995	GV Toán THCS		50.0	50.0	
163	7	163	Lê Thị Hiền	20/05/1991	GV Vật lý THCS			0.0	Vắng
164	7	164	Nguyễn Thị Hương	10/01/1987	GV Vật lý THCS		55.0	55.0	
165	7	165	Lê Thị Minh	10/08/1987	GV Vật lý THCS		75.0	75.0	
166	7	166	Vũ Thị Nga	29/12/1994	GV Vật lý THCS		53.0	53.0	
167	7	167	Hà Thị Nường	08/11/1988	GV Vật lý THCS	5.0	73.0	78.0	
168	7	168	Lê Thị Quý	20/05/1988	GV Vật lý THCS		69.0	69.0	
169	7	169	Nguyễn Thị Nhật Ánh	05/07/2002	GV Hóa THCS		66.0	66.0	
170	7	170	Hoàng Thị Ngọc Ánh	01/07/1996	GV Hóa THCS		58.0	58.0	
171	7	171	Trương Thị Chinh	05/01/1991	GV Hóa THCS		59.0	59.0	
172	7	172	Đồng Thị Hà	06/09/1987	GV Hóa THCS			0.0	Vắng
173	7	173	Lê Thị Hằng	24/04/1996	GV Hóa THCS		67.0	67.0	
174	7	174	Lê Thị Hào	15/05/2000	GV Hóa THCS		68.0	68.0	
175	7	175	Cao Thị Hợp	09/01/1993	GV Hóa THCS		58.0	58.0	
176	7	176	Nguyễn Thị Linh	11/10/2002	GV Hóa THCS		66.0	66.0	
177	7	177	Phạm Trà My	25/11/2002	GV Hóa THCS		58.0	58.0	
178	7	178	Nguyễn Hữu Toàn	15/01/1982	GV Hóa THCS		70.0	70.0	
179	7	179	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	14/11/1995	GV Hóa THCS			0.0	Vắng
180	7	180	Nguyễn Thị Hà	03/05/2002	GV Địa lý THCS		69.0	69.0	
181	7	181	Lê Thị Hồng	15/02/1988	GV Địa lý THCS		68.0	68.0	
182	7	182	Lê Thị Lý	27/02/1984	GV Địa lý THCS			0.0	Vắng
183	7	183	Bùi Thị Na	02/05/2001	GV Địa lý THCS		58.0	58.0	
184	7	184	Nguyễn Thị Như	20/08/1988	GV Địa lý THCS		57.0	57.0	
185	7	185	Nguyễn Thị Thủy	20/12/1988	GV Địa lý THCS			0.0	Vắng
186	7	186	Nguyễn Thị Trà	19/03/2000	GV Địa lý THCS		59.0	59.0	
187	7	187	Trịnh Thùy Trang	15/09/2002	GV Địa lý THCS		69.0	69.0	
188	8	188	Trần Thị Ngọc Anh	02/08/2002	GV Tiếng Anh THCS		66.0	66.0	
189	8	189	Nguyễn Thị Anh	09/12/2002	GV Tiếng Anh THCS		50.0	50.0	
190	8	190	Đậu Quỳnh Anh	31/03/2002	GV Tiếng Anh THCS			0.0	Vắng
191	8	191	Trương Thị Dung	21/08/1987	GV Tiếng Anh THCS		72.0	72.0	
192	8	192	Phan Nguyệt Hằng	14/02/2002	GV Tiếng Anh THCS		53.0	53.0	
193	8	193	Nguyễn Thị Hiền	17/03/2001	GV Tiếng Anh THCS			0.0	Vắng
194	8	194	Trịnh Đình Hưng	26/09/2001	GV Tiếng Anh THCS		55.0	55.0	
195	8	195	Nguyễn Thị Lan	22/06/1998	GV Tiếng Anh THCS		68.0	68.0	

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm vấn đáp	Tổng điểm	Ghi chú
196	8	196	Lê Thị Linh	19/12/2002	GV Tiếng Anh THCS		48.0	48.0	
197	8	197	Lê Trọng Lục	01/09/1983	GV Tiếng Anh THCS		65.0	65.0	
198	8	198	Hoàng Thị Ngọc Mai	20/10/1987	GV Tiếng Anh THCS		67.0	67.0	
199	8	199	Triệu Nguyệt Minh	15/03/2001	GV Tiếng Anh THCS			0.0	Vắng
200	8	200	Nguyễn Thị Nhung	19/05/2000	GV Tiếng Anh THCS		70.0	70.0	
201	8	201	Đinh Thị Phần	06/12/2002	GV Tiếng Anh THCS		45.0	45.0	
202	8	202	Hoàng Minh Phương	04/05/1997	GV Tiếng Anh THCS		78.0	78.0	
203	8	203	Nguyễn Hồng Quân	01/05/1984	GV Tiếng Anh THCS		66.0	66.0	
204	8	204	Nguyễn Thị Trang	03/04/2002	GV Tiếng Anh THCS		66.0	66.0	
205	8	205	Lê Thị Trang	16/12/1991	GV Tiếng Anh THCS		59.0	59.0	
206	8	206	Hoàng Thị Tuyết	25/04/2002	GV Tiếng Anh THCS		65.0	65.0	
207	8	207	Nguyễn Thị Yến	10/02/1986	GV Tiếng Anh THCS		65.0	65.0	

STT

UBND HUYỆN HOÀNG HÓA
HĐ XÉT TUYỂN HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN

**DỰ KIẾN NGƯỜI TRÚNG TUYỂN HỢP ĐỒNG GIÁO VIÊN
SAU KHI THỰC HIỆN VẤN ĐÁP**

(Kèm theo Thông báo số 12/HĐXT ngày 26/8/2024 của Hội đồng xét tuyển)

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm vấn đáp	Tổng điểm	Ghi chú
1	1	10	Lê Thị Giang	24/01/2000	GV Mầm non		70.0	70.0	
2	1	25	Lê Thị Huyền	12/03/1997	GV Mầm non		70.0	70.0	
3	2	42	Đoàn Như Nguyệt	05/11/1998	GV Mầm non		70.0	70.0	
4	2	52	Lương Thị Phượng	09/11/1996	GV Mầm non		70.0	70.0	
5	2	34	Lê Thị Loan	15/03/1995	GV Mầm non		68.0	68.0	
6	1	18	Trương Thị Hiền	20/02/2000	GV Mầm non		67.0	67.0	
7	2	33	Lê Thị Linh	12/05/2001	GV Mầm non		67.0	67.0	
8	2	39	Võ Thị Ngân	30/06/1988	GV Mầm non		67.0	67.0	
9	1	7	Hoàng Thị Dung	25/06/2002	GV Mầm non		66.0	66.0	
10	1	23	Lữ Thị Hương	06/11/1990	GV Mầm non		66.0	66.0	
11	1	6	Đoàn Thị Diệp	20/03/1988	GV Mầm non		65.0	65.0	
12	1	13	Nguyễn Phương Hạnh	01/02/1995	GV Mầm non		65.0	65.0	
13	2	32	Đoàn Thị Linh	26/06/1998	GV Mầm non		65.0	65.0	
14	2	44	Bùi Thị Nhân	27/08/1995	GV Mầm non		65.0	65.0	
15	1	15	Lê Thị Hiền	02/09/1997	GV Mầm non		63.0	63.0	
16	1	14	Nguyễn Thị Hiền	21/04/1991	GV Mầm non		62.0	62.0	
17	1	20	Hắc Thị Hòa	17/04/1992	GV Mầm non		62.0	62.0	
18	2	51	Cao Thị Thu Phương	28/06/1992	GV Mầm non	5.0	57.0	62.0	
19	2	40	Lê Thị Ngân	20/11/1990	GV Mầm non	5.0	56.0	61.0	
20	1	3	Phạm Thị Khánh Chi	23/09/1999	GV Mầm non		60.0	60.0	
21	1	9	Lương Thị Duyên	05/10/1994	GV Mầm non		60.0	60.0	
22	1	16	Đỗ Thị Hiền	25/03/1990	GV Mầm non		60.0	60.0	
23	1	27	Bùi Thị Huyền	13/01/1994	GV Mầm non		60.0	60.0	
24	2	45	Lê Thị Nhung	02/07/1995	GV Mầm non		60.0	60.0	
25	2	53	Lê Thị Phượng	11/01/1993	GV Mầm non		60.0	60.0	
26	2	55	Lê Thị Quỳnh	28/05/1995	GV Mầm non		60.0	60.0	
27	2	36	Trịnh Thị Minh	13/05/1985	GV Mầm non		59.0	59.0	
28	2	43	Lê Thị Nguyệt	05/11/2000	GV Mầm non		59.0	59.0	
29	2	49	Lê Thị Phương	30/11/1998	GV Mầm non		59.0	59.0	
30	1	2	Nguyễn Thị Bích	30/03/1996	GV Mầm non		58.0	58.0	
31	1	17	Lê Thị Hiền	10/05/2002	GV Mầm non		58.0	58.0	
32	1	21	Nguyễn Thị Hương	11/10/1993	GV Mầm non		58.0	58.0	
33	2	31	Lê Thị Diệu Linh	01/10/2002	GV Mầm non		58.0	58.0	
34	2	38	Bùi Thị Nghĩa	19/12/1999	GV Mầm non		58.0	58.0	
35	2	41	Trần Thị Bích Ngọc	28/11/1990	GV Mầm non		58.0	58.0	
36	2	54	Lê Thị Quỳnh	25/10/1990	GV Mầm non		58.0	58.0	
37	1	24	Phùng Thị Hương	24/10/1992	GV Mầm non		57.0	57.0	
38	2	30	Vũ Thị Liên	13/04/1995	GV Mầm non		57.0	57.0	
39	2	37	Phùng Thị Ngân	06/10/1998	GV Mầm non		57.0	57.0	
40	2	46	Cao Thị Hồng Nhung	13/08/1998	GV Mầm non		57.0	57.0	
41	2	47	Lê Thị Nhung	13/04/2001	GV Mầm non		57.0	57.0	
42	2	48	Khương Thị Phương	03/10/1998	GV Mầm non		57.0	57.0	
43	3	78	Ngô Thị Tươi	05/11/2000	GV Mầm non		56.0	56.0	
44	1	11	Nguyễn Thị Hà	30/01/1994	GV Mầm non		55.0	55.0	
45	1	22	Nguyễn Thị Hương	06/07/1990	GV Mầm non		55.0	55.0	
46	1	29	Trịnh Thị Lê	20/06/1989	GV Mầm non		55.0	55.0	

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm văn đáp	Tổng điểm	Ghi chú
47	2	50	Trương Thị Phương	07/03/1998	GV Mầm non		55.0	55.0	
48	2	57	Nguyễn Thị Thám	09/09/1987	GV Mầm non		55.0	55.0	
49	3	63	Lê Thị Thi	15/10/1991	GV Mầm non		55.0	55.0	
50	3	74	Nguyễn Thị Tĩnh	23/10/1994	GV Mầm non		55.0	55.0	
51	3	59	Lê Thị Thanh	20/04/1992	GV Mầm non		54.0	54.0	
52	3	61	Lê Thị Thảo	28/10/1997	GV Mầm non		54.0	54.0	
53	3	65	Nguyễn Thị Thu	05/09/1995	GV Mầm non		54.0	54.0	
54	3	67	Lê Thị Thu	28/01/1997	GV Mầm non		54.0	54.0	
55	3	71	Triệu Thị Thúy	27/08/1997	GV Mầm non		54.0	54.0	
56	2	56	Hoàng Thị Sâm	20/03/1984	GV Mầm non		53.0	53.0	
57	3	58	Lê Thị Thắm	11/10/1996	GV Mầm non		53.0	53.0	
58	3	60	Lê Thị Thanh	02/09/1993	GV Mầm non		53.0	53.0	
59	3	62	Hoàng Thị Thảo	12/10/1992	GV Mầm non		53.0	53.0	
60	3	64	Nguyễn Thị Thoa	15/02/2003	GV Mầm non		53.0	53.0	
61	3	68	Đỗ Thị Thu	01/09/1999	GV Mầm non		53.0	53.0	
62	3	69	Nguyễn Thị Thuận	10/03/1993	GV Mầm non		53.0	53.0	
63	3	70	Nguyễn Thị Thúy	18/10/1990	GV Mầm non		53.0	53.0	
64	3	72	Cao Thị Thùy	08/09/2002	GV Mầm non		53.0	53.0	
65	3	75	Nguyễn Thị Tới	18/12/2002	GV Mầm non		53.0	53.0	
66	3	79	Lê Thị Tuyền	20/12/1991	GV Mầm non		53.0	53.0	
67	3	81	Lê Thị Tuyết	20/07/1993	GV Mầm non		53.0	53.0	
68	3	85	Nguyễn Thị Hải Yến	01/01/1999	GV Mầm non		53.0	53.0	
69	3	66	Nguyễn Thị Thu	09/09/2002	GV Mầm non		52.0	52.0	
70	3	73	Lê Thị Thu Thùy	28/05/2002	GV Mầm non		52.0	52.0	
71	3	77	Hà Thị Trang	07/12/2002	GV Mầm non		52.0	52.0	
72	3	82	Phạm Thị Tuyết	15/05/1997	GV Mầm non		52.0	52.0	
73	3	83	Phạm Thị Xuân	06/06/1994	GV Mầm non		52.0	52.0	
74	3	84	Bùi Thị Yến	28/11/1996	GV Mầm non		52.0	52.0	
75	4	87	Nguyễn Thị Vân Anh	29/10/2002	GV Tiếng Anh TH		75.0	75.0	
76	4	104	Cao Thị Thùy Linh	20/06/1998	GV Tiếng Anh TH		75.0	75.0	
77	4	102	Dương Thị Lệ	16/10/1994	GV Tiếng Anh TH		74.0	74.0	
78	4	103	Nguyễn Thị Khánh Linh	15/06/1998	GV Tiếng Anh TH		73.0	73.0	
79	4	98	Nguyễn Thị Hậu	15/10/2000	GV Tiếng Anh TH		70.0	70.0	
80	4	99	Phạm Thị Huệ	02/02/1984	GV Tiếng Anh TH		70.0	70.0	
81	4	111	Lê Thị Thùy	14/08/1998	GV Tiếng Anh TH		70.0	70.0	
82	4	94	Trương Thị Châu	21/11/2000	GV Tiếng Anh TH		68.0	68.0	
83	4	105	Lê Thị Thùy Linh	13/06/1998	GV Tiếng Anh TH		68.0	68.0	
84	4	106	Chu Thị Nam	10/02/1993	GV Tiếng Anh TH		67.0	67.0	
85	4	110	Lê Thị Thịnh	01/06/1983	GV Tiếng Anh TH		67.0	67.0	
86	4	86	Bùi Mai Anh	23/06/2002	GV Tiếng Anh TH		65.0	65.0	
87	4	88	Thiều Thị Minh Anh	20/10/2002	GV Tiếng Anh TH		65.0	65.0	
88	4	108	Nguyễn Thị Phương Thi	10/03/2002	GV Tiếng Anh TH		65.0	65.0	
89	4	113	Nguyễn Thị Xoan	10/07/1982	GV Tiếng Anh TH		65.0	65.0	
90	4	95	Phan Hà Chi	24/11/2000	GV Tiếng Anh TH		60.0	60.0	
91	5	121	Trần Thị Hồng	01/04/1997	GV Ngữ văn THCS		73.0	73.0	
92	5	114	Trần Phương Anh	17/12/2001	GV Ngữ văn THCS		70.0	70.0	
93	5	123	Lương Thị Lệ	09/08/1991	GV Ngữ văn THCS		68.0	68.0	
94	5	117	Hán Thị Hằng	28/10/1988	GV Ngữ văn THCS		67.0	67.0	
95	5	115	Lê Thị Đào	04/04/1991	GV Ngữ văn THCS		65.0	65.0	
96	5	118	Hoàng Thị Hằng	15/02/1986	GV Ngữ văn THCS		65.0	65.0	

TT	Phòng thi	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Vị trí xét tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm vấn đáp	Tổng điểm	Ghi chú
97	5	125	Lê Thị Ngọc	01/12/1997	GV Ngữ văn THCS		65.0	65.0	
98	5	127	Lê Thị Nhung	06/10/1988	GV Ngữ văn THCS		65.0	65.0	
99	5	119	Phạm Thị Hậu	22/11/2002	GV Ngữ văn THCS		60.0	60.0	
100	5	131	Lê Thị Thục	19/09/1987	GV Ngữ văn THCS		60.0	60.0	
101	6	149	Chu Thị Khánh Huyền	08/03/1998	GV Toán THCS		75.0	75.0	
102	6	155	Nguyễn Minh Phương	12/10/1998	GV Toán THCS		74.0	74.0	
103	6	136	Lê Thị Ngọc Anh	04/09/2001	GV Toán THCS		71.0	71.0	
104	6	150	Mai Thị Phương Lan	05/02/1994	GV Toán THCS		71.0	71.0	
105	6	160	Lê Thị Thương	19/04/1996	GV Toán THCS		69.0	69.0	
106	6	153	Vũ Thị Hồng Ngọc	28/09/1991	GV Toán THCS		68.0	68.0	
107	6	144	Lương Thị Hạnh	11/06/1997	GV Toán THCS		67.0	67.0	
108	6	141	Cao Thị Thùy Dương	14/08/2001	GV Toán THCS		65.0	65.0	
109	6	143	Nguyễn Huy Hải	30/04/1995	GV Toán THCS		65.0	65.0	
110	6	147	Nguyễn Văn Hưng	15/02/2001	GV Toán THCS		62.0	62.0	
111	7	167	Hà Thị Nhường	08/11/1988	GV Vật lý THCS	5.0	73.0	78.0	
112	7	165	Lê Thị Minh	10/08/1987	GV Vật lý THCS		75.0	75.0	
113	7	168	Lê Thị Quý	20/05/1988	GV Vật lý THCS		69.0	69.0	
114	7	164	Nguyễn Thị Hương	10/01/1987	GV Vật lý THCS		55.0	55.0	
115	7	166	Vũ Thị Nga	29/12/1994	GV Vật lý THCS		53.0	53.0	
116	7	178	Nguyễn Hữu Toàn	15/01/1982	GV Hóa THCS		70.0	70.0	
117	7	174	Lê Thị Hào	15/05/2000	GV Hóa THCS		68.0	68.0	
118	7	173	Lê Thị Hằng	24/04/1996	GV Hóa THCS		67.0	67.0	
119	7	169	Nguyễn Thị Nhật Ánh	05/07/2002	GV Hóa THCS		66.0	66.0	
120	7	176	Nguyễn Thị Linh	11/10/2002	GV Hóa THCS		66.0	66.0	
121	7	171	Trương Thị Chinh	05/01/1991	GV Hóa THCS		59.0	59.0	
122	7	180	Nguyễn Thị Hà	03/05/2002	GV Địa lý THCS		69.0	69.0	
123	7	187	Trịnh Thùy Trang	15/09/2002	GV Địa lý THCS		69.0	69.0	
124	7	181	Lê Thị Hồng	15/02/1988	GV Địa lý THCS		68.0	68.0	
125	8	202	Hoàng Minh Phương	04/05/1997	GV Tiếng Anh THCS		78.0	78.0	
126	8	191	Trương Thị Dung	21/08/1987	GV Tiếng Anh THCS		72.0	72.0	
127	8	200	Nguyễn Thị Nhung	19/05/2000	GV Tiếng Anh THCS		70.0	70.0	
128	8	195	Nguyễn Thị Lan	22/06/1998	GV Tiếng Anh THCS		68.0	68.0	
129	8	198	Hoàng Thị Ngọc Mai	20/10/1987	GV Tiếng Anh THCS		67.0	67.0	
130	8	188	Trần Thị Ngọc Anh	02/08/2002	GV Tiếng Anh THCS		66.0	66.0	
131	8	203	Nguyễn Hồng Quân	01/05/1984	GV Tiếng Anh THCS		66.0	66.0	
132	8	204	Nguyễn Thị Trang	03/04/2002	GV Tiếng Anh THCS		66.0	66.0	
133	8	197	Lê Trọng Lục	01/09/1983	GV Tiếng Anh THCS		65.0	65.0	
134	8	206	Hoàng Thị Tuyết	25/04/2002	GV Tiếng Anh THCS		65.0	65.0	
135	8	207	Nguyễn Thị Yến	10/02/1986	GV Tiếng Anh THCS		65.0	65.0	
136	8	205	Lê Thị Trang	16/12/1991	GV Tiếng Anh THCS		59.0	59.0	
137	8	194	Trịnh Đình Hưng	26/09/2001	GV Tiếng Anh THCS		55.0	55.0	